**Phần B. Chỉ tiêu thông tin khai báo đối với tờ khai xuất khẩu trị giá thấp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thông tin** | **Mô tả, ghi chú** | **Bảng mã** |
| ***A*** | ***Thông tin khai báo chung*** |   |
| 1 | Số tờ khai | Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai.Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung. |   |
| 2 | Mã loại hình | Nhập “B14” |   |
| 3 | Mã phân loại hàng hóa | Nếu hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bắt buộc phải nhập mã tương ứng sau:“F”: Hàng bưu chính, chuyển phát nhanh“J”: Hàng giao dịch qua thương mại điện tử |   |
| 4 | Mã hiệu phương thức vận chuyển | Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau:“1”: Đường không“2”: Đường biển (container)“3”: Đường biển (hàng rời, lỏng...)“4”: Đường bộ (xe tải)“5”: Đường sắt“6”: Đường sông“9”: Khác |   |
| 5 | Cơ quan Hải quan | (1) Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật.Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã cơ quan hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan.(2) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan. | x |
| 6 | Mã bộ phận xử lý tờ khai | (1) Nhập mã bộ phận xử lý tờ khai.(2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã bộ phận xử lý tờ khai.(3) Tham khảo bảng mã trên website Hải quan. | x |
| 7 | Mã người xuất khẩu | Nhập Số định danh cá nhân hoặc mã số thuế của tổ chứcLưu ý: Không kiểm tra chỉ tiêu này trong điều kiện đăng ký tờ khai |   |
| 8 | Tên người xuất khẩu | Nhập họ tên người xuất khẩu hoặc tên của tổ chức |   |
| 9 | Địa chỉ người xuất khẩu | Cá nhân: Nhập địa chỉ của người xuất khẩu theo căn cước công dânTổ chức: Nhập địa chỉ theo đăng ký hoạt động của tổ chức |   |
| 10 | Số điện thoại người xuất khẩu | (1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu (không sử dụng dấu gạch ngang).Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu.(2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào số điện thoại chính xác.(3) Chỉ tiêu không bắt buộc khai |   |
| 11 | Mã người nhập khẩu | Nhập mã người nhập khẩu (nếu có). |   |
| 12 | Tên người nhập khẩu | Nhập tên người nhập khẩu |   |
| 13 | Mã nước | (1) Nhập mã nước người nhập khẩu gồm 02 ký tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng mã nước tại website Hải quan).(2) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE. | x |
| 14 | Mã đại lý Hải quan | Nhập mã số đại lý hải quan |   |
| 15 | Số vận đơn (Số B/L, số AWB v.v....) | Nhập số vận đơn (nếu có) |   |
| 16 | Số lượng | Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...)Lưu ý:- Không nhập phần thập phân- Nhập là “1” đối với hàng hóa không thể hiện bảng đơn vị tính (kiện, thùng,...)Ô 2: Nhập mã đơn vị tínhVí dụ: CS: thùng, BX: hộp(Tham khảo bảng mã loại kiện trên website Hải quan) | x |
| 17 | Tổng trọng lượng hàng (Gross) | Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển)Lưu ý:- Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin “Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã “1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô “Phần ghi chú'’.- Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân.- Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là “LBR” (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram).Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECEVí dụ:KGM: kilogramTNE: tấnLBR: pound(Tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan)- Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính.- Trường hợp nhập là “LBR” (pound), xuất ra KGM. | x |
| 18 | Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến | Nhập mã địa điểm lưu kho của doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh hoặc nhập mã địa điểm nơi lưu giữ hàng hóa khi khai báo xuất khẩu | x |
| 19 | Địa điểm xếp hàng | Ô 1: Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (Tham khảo các bảng mã “Cảng -ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan)Ô 2: Nhập tên địa điểm xếp hàng (Không bắt buộc trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động) | x |
| 20 | Ngày hàng đi dự kiến | Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm) |   |
| 21 | Trị giá hóa đơn | Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ.Ô 2: Nhập mã nguyên tệ |   |
| 22 | Trị giá hải quan | Ô 1: Nhập tổng số tiền thanh toán nguyên tệ không bao gồm phí vận chuyển quốc tế và phí bảo hiểm quốc tế (nếu doanh nghiệp có chứng từ, tài liệu tách được hai khoản phí này ra khỏi trị giá hải quan).Ô 2: Nhập mã nguyên tệ |   |
| 23 | Tổng trị giá tính thuế (VNĐ) | Không phải nhập liệu, hệ thống căn cứ trị giá hải quan để tính tổng trị giá tính thuế. |   |
| 24 | Chứng từ đính kèm | Khai chứng từ đính kèm (nếu có) |   |
| 25 | Phần ghi chú | (1) Trường hợp xuất khẩu của những lô hàng thuế gia công nước ngoài thì nhập số tờ khai xuất gia công ban đầu.(2) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại của Việt Nam cho nước ngoài thì khi đăng ký tờ khai xuất khẩu phải nhập số tờ khai nhập khẩu hàng hóa ban đầu.(3) Trường hợp mã loại hình không hỗ trợ khai báo vận chuyển kết hợp thì khai các thông tin sau: thời gian, tuyến đường, cửa khẩu đi và đến, mã địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế.(4) Trường hợp có thông báo từ phía cơ quan Hải quan thì nhập thông tin cần thiết ở đây. |   |
| 26 | Phân loại chỉ thị của Hải quan | (Phần dành cho công chức hải quan)Nhập mã phân loại thông báo của công chức hải quan:“A”: Hướng dẫn sửa đổi“B”: Thay đổi khai báo xuất khẩu |   |
| 27 | Ngày chỉ thị của Hải quan | (Phần dành cho công chức hải quan)Nhập ngày/tháng/năm công chức hải quan thông báo tới người khai hải quan. |   |
| 28 | Tên chỉ thị của Hải quan | (Phần dành cho công chức hải quan) Nhập trích yếu nội dung thông báo |   |
| 29 | Nội dung chỉ thị của Hải quan | (Phần dành cho công chức hải quan)Nhập nội dung thông báo tới người khai hải quan. |   |
| ***B*** | ***Thông tin khai báo chi tiết hàng hóa*** |   |
| 30 | Mô tả hàng hóa | Mô tả chi tiết hàng hóa bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh |   |
| 31 | Số lượng(1) | Ô 1: Nhập số lượng hàng hóa xuất khẩu của tùng dòng hàng theo đơn vị tính trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.(1) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập số lượng theo đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định.(2) Có thể nhập đến 02 số sau dấu thập phân.(3) Trường hợp hàng hóa phải nộp phí cà phê, hồ tiêu, hạt điều, bảo hiểm cà phê, nhập số lượng theo đơn vị tính phí/bảo hiểm theo quy định.(4) Trường hợp số lượng thực tế có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn số thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy để khai số lượng đã làm tròn vào ô này, đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô “Mô tả hàng hóa” theo nguyên tắc sau: “mô tả hàng hóa #& số lượng” (không khai đơn giá vào ô “Đơn giá hóa đơn”).Ô 2: Nhập mã đơn vị tính theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, (tham khảo bảng mã đơn vị tính trên website Hải quan)Trường hợp hàng hóa chịu thuế tuyệt đối, nhập mã đơn vị tính thuế tuyệt đối theo quy định (tham khảo mã đơn vị tính tại Bảng mã áp dụng mức thuế tuyệt đối trên website Hải quan). | x |
| 32 | Số tiền thanh toán nguyên tệ | Ô 1: Nhập số tiền thanh toán nguyên tệ của dòng hàng.Ô 2: Nhập mã nguyên tệ- Chỉ tiêu không bắt buộc khai. Chỉ khai chỉ tiêu này trong trường hợp các dòng hàng của đơn hàng áp dụng mức thuế suất VAT không đồng nhất. |   |
| 33 | Trị giá tính thuế (VNĐ) | Hệ thống tự động phân bổ trị giá tính thuế (VNĐ) theo số tiền thanh toán nguyên tệ của từng dòng hàng. |   |
| 34 | Đơn giá hóa đơn | Ô 1: Nhập đơn giá hóa đơn.Ô 2: Nhập mã đơn vị tiền tệ của đơn giá hóa đơn.Ô 3: Nhập mã đơn vị tính số lượng của đơn giá hóa đơn.Lưu ý:- Đơn giá hóa đơn x số lượng = trị giá hóa đơn ± 1- Trường hợp không có hóa đơn thì không khai tiêu chí này.- Chỉ tiêu không bắt buộc khai. |  |